

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 8 - 2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mã Siêu và ông Trần Văn Hiếu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2021/TLST - HNGĐ ngày 20/4/2021 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/6/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn - chị Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 01 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 9 năm 2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ để ở huyện K, tỉnh Thái Bình để sinh sống, chính thức sống ly thân với anh T. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại chung sống cùng anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T không có con chung và hiện tại chị cũng không mang thai.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Do đó chị không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và công nợ chung.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bị đơn là anh Trần Văn T thể hiện: Anh đã được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình thông báo cho biết về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc xin ly hôn giữa anh và chị Trần Thị Th. Tuy nhiên do công việc bận nên anh không thể lên Tòa án làm việc được nên anh viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh (vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa và vắng mặt tại phiên tòa). Quan điểm của anh đối với việc giải quyết vụ án như sau: Anh và chị Trần Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh và chị Th chung sống với nhau tại gia đình nhà anh ở Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, đến tháng 9 năm 2018 chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Bình Định, huyện K, tỉnh Thái Bình để sinh sống. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn. Giữa anh và chị Th không có con chung, không có tài sản gì chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2021 của ông Trần Văn Nghĩa và bà Trần Thị Lua là bố mẹ đẻ anh Trần Văn T thể hiện: Anh T và chị Th tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 01 năm 2015. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa anh T và chị Th đã xảy ra xích mích về kinh tế nên chị Th đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở huyện K để sinh sống cách đây 02 năm. Chị Th và anh T không có con chung, không có tài sản và công nợ gì chung. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh T gia đình bà mong muốn anh chị ấy đoàn tụ còn việc quyết định như thế nào thì do anh chị ấy tự quyết. Anh T hiện tại đang đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng địa chỉ cụ thể thì ông bà không biết. Ông Nghĩa và bà Lua đều khẳng định chữ ký trong đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của anh T đúng là chữ ký của anh T. Tất cả các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh T ông bà đều thông báo cho anh T biết.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2021, UBND xã N, huyện T cung cấp như sau:

Hiện nay anh Trần Văn T và chị Trần Thị Th đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị Th và anh T tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 06 tháng 01 năm 2015. Sau khi kết hôn anh T và chị Th chung sống với nhau tại địa phương một thời gian. Về mâu thuẫn vợ chồng của chị Th, anh T cũng như vấn đề về tài sản chung và công nợ chung giữa anh T và chị Th thì địa phương không nắm được cụ thể. Hiện nay anh T đang đi làm ăn ở tỉnh ngoài, địa chỉ cụ thể địa phương không biết. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể

từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn là chị Th đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Trần Văn T thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn T. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung, công nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Trần Thị Th khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn T, anh T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị Th là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/01/2015 xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị Th anh T mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 9 năm 2018 chị Th và anh T đã không chung sống cùng nhau và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh T, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Th và anh T đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Không có

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002133 ngày 20/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị Th, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi